TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 314/2018/HS-PT
Ngày 10-10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình.

Các Thẩm phán: 1. Ông Hoàng Kim Khánh

2. Bà Lưu Thị Thu Hường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 275/TLPT-HS ngày 23/8/2018, đối với bị cáo Cao Văn T về tội "Cố ý gây thương tích" và các bị cáo Trần Đại P, Trần Tiến H, về tội "Cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh", do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk và kháng cáo của bị cáo Cao Văn T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2018/HS-ST ngày 16/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

1. Bị cáo Cao Văn T, sinh năm 1967 tại tỉnh Hà Tĩnh.

Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn M (đã chết) và bà Phan Thị Đ, sinh năm 1933; bị cáo có vợ là Phạm Thị G và có 02 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/9/2017 đến ngày 09/10/2017 được tại ngoại, sau đó bị bắt tạm giam từ ngày 05/01/2018 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo Cao Văn T đồng thời là người bị hại trong vụ án.

2. Bị cáo Trần Đại P, sinh năm 1963 tại tỉnh Hà Tĩnh.

Nơi cư trú: Thôn B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T (đã chết) và bà Hà Thị H, sinh năm 1931; bị cáo có vợ là Lê Thị M, sinh năm 1964 và có 02 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh

năm 1993; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo Trần Đại P đồng thời là người bị hại trong vụ án.

3. Bị cáo Trần Tiến H, sinh năm 1993 tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đại P, sinh năm 1963 và bà Lê Thị M, sinh năm 1964; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm di khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Bà Lê Thị M, sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị G; nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 23/6/2017, Cao Văn T cầm 01 con dao đi ra ruộng lúa của mình tại thôn B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để thăm ruộng. Đến nơi, T gặp bà Lê Thị M đang dặm lúa ở mảnh ruộng bên cạnh ruộng của T. Lúc này, giữa T và bà M xảy ra mâu thuẫn về việc làm lại bờ ruộng chung, T dùng cành cây gai đánh 02 - 03 cái vào tay và chân bà M rồi bỏ lên bờ, sau đó giật cây cào dặm lúa trên tay bà M rồi dùng dao rựa chặt gãy cán cào bằng tre và dùng cán cào đánh nhiều cái vào người bà M, thì được mọi người can ngăn. Nghe tin bà M bị đánh ở ruộng lúa, thì Trần Đại P và Trần Tiến H, là chồng và con bà M, từ nhà chạy ra ruộng. Khi đi P cầm theo dao, H cầm theo tuýp sắt, ra đến nơi, H dùng chân đạp ngã xe của T đang dựng ở giữa đường, rồi cùng P đi đến chỗ bà M. Cùng lúc này, giữa T và P xảy ra cãi nhau, T cầm dao chém trúng vào đầu P làm P ngã xuống đất rồi vứt dao bỏ chạy, thấy cha bị đánh nên H đuổi theo dùng tuýp sắt đánh vào lưng T làm T ngã xuống ruộng, H tiếp tục dùng tuýp sắt đánh nhiều cái vào người T, còn P chạy đến dùng dao chém trúng tay và trán T, T ôm người P lại và dùng miệng cắn vào mặt P thì mọi người can ngăn. Sau đó, Cao Văn T điều trị thương tích tại Bệnh viện đa khoa TH, bà Lê Thị M và Trần Đại P điều trị thương tích tại Bệnh viên đa khoa tỉnh Đ.

Tại Bản kết luận pháp y thương tích số 1054/PY-TgT ngày 25/8/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Bà Lê Thị M bị đa thương tích phần mềm, tỉ lệ thương tích là 03%.

Tại Bản kết luận pháp y thương tích số 1055/PY-TgT ngày 25/8/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Trần Đại P bị vết thương sọ não, vỡ sọ, dập não, xuất huyết dưới nhện, rối loạn vận ngôn, liệt nửa người phải, tỉ lệ thương tích là 65%. Tại Bản kết luận pháp y thương tích bổ sung số 1289/PY-TgT ngày 27/10/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Trần Đại P bị vết thương

sọ não, vỡ sọ, dập não, xuất huyết dưới nhện, rối loạn vận ngôn, liệt nửa người phải, tỉ lệ 65%; chấn thương má trái 02%. Tổng tỉ lệ thương tích là 67%.

Tại Bản kết luận pháp y thương tích số 1119/PY-TgT ngày 13/9/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Cao Văn T bị vết thương trán phải, vỡ bán sọ ngoài 08%; vết thương cổ tay trái, đứt thần kinh + gân gấp các ngón 2, 3, 4, 5, tỉ lệ 21%; vết thương đỉnh trái 04%; gãy xương sườn 03%. Tổng tỉ lệ thương tích là 36%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2018/HS-ST ngày 16/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999; Khoản 3 Điều 7; điểm d khoản 4 Điều 134; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Cao Văn T;

Căn cứ khoản 1 Điều 105 của Bộ luật hình sự năm 1999; Khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 135; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Đại P và bị cáo Trần Tiến H;

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; Điều 135, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; các Điều 584, Điều 586 và Điều 590 Bộ luật dân sự.

Tuyên bố: Bị cáo Cao Văn T phạm tội "Cố ý gây thương tích"; các bị cáo Trần Đại P và Trần Tiến H phạm tội "Cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh".

+ Xử phạt bị cáo Cao Văn T mức án 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 05/01/2018. Bị cáo được khấu trừ thời giam tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/9/2017 đến ngày 09/10/2017.

+ Xử phạt bị cáo Trần Đại P 02 (Hai) năm cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Trần Tiến H 02 (Hai) năm cải tạo không giam giữ.

Giao các bị cáo Trần Đại P, Trần Tiến H cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk phối hợp với gia đình các bị cáo quản lý giáo dục các bị cáo. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã E nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án của Tòa án.

Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Cao Văn T bồi thường cho bà Lê Thị M số tiền 6.080.000 đồng. Được khấu trừ số tiền 5.000.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp 1.080.000 đồng.

- Buộc bị cáo Cao Văn T phải bồi thường cho Trần Đại P số tiền 159.089.843 đồng. Được khấu trừ số tiền 30.000.000 đồng đã bồi thường trước, còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 129.089.843 đồng.

- Buộc các bị cáo Trần Đại P, Trần Tiến H liên đới bồi thường cho bị cáo Cao Văn T số tiền 52.379.694 đồng, được chia theo tỷ lệ như sau: Bị cáo Trần Đại P bồi thường cho bị cáo Cao Văn T số tiền 26.189.847 đồng, bị cáo Trần Tiến H bồi thường cho bị cáo Cao Văn T số tiền 26.189.847 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/8/2018, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 10/QĐ-VKS-P7, với nội dung: Kháng nghị một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2018/HS-ST ngày 16/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk về mức hình phạt đối với các bị cáo Trần Đại P và Trần Tiến H; đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm để sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm mức hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Trần Đại P và Trần Tiến H.

Ngày 19/7/2018, bị cáo Cao Văn T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giảm hình phạt cho bị cáo và xem xét lại phần trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk; bị cáo Cao Văn T xin rút kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự và giữ nguyên kháng cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Cao Văn T và các bị cáo Trần Đại P, Trần Tiến H đều đã khai nhận toàn bộ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo Cao Văn T, Trần Đại P, Trần Tiến H và khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Cao Văn T phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 và xét xử các bị cáo Trần Đại P và Trần Tiến H phạm tội "Cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh" theo khoản 1 Điều 105 Bộ luật hình sự năm 1999, là có căn cứ và đúng pháp luật. Tuy nhiên, việc bản án sơ thẩm tuyên phạt các bị cáo Trần Đại P và Trần Tiến H, mỗi bị cáo 02 năm cải tạo không giam giữ là không đúng pháp luật, bởi vì: Mức hình phạt cải tạo không giam giữ tại khoản 1 Điều 105 của Bộ luật hình sự năm 1999 chỉ quy định tối đa đến 01 năm, trong khi mức hình phạt cải tạo không giam giữ quy định tại khoản 1 Điều 135 của Bộ luật hình sự năm 2015 là đến 03 năm, đây là quy định không có lợi, nên không được áp dụng đối với bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, mức hình phạt 02 năm cải tạo không giam giữ mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo P và bị cáo H, là vượt mức tối đa đối với loại hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại khoản 1 Điều 105 của Bộ luật hình sự năm 1999. Đối với kháng cáo của bị cáo Cao Văn T, xét thấy mức hình phạt 07 năm 06 tháng tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc, bởi lẽ, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã bồi thường được một phần thiệt hại cho người bị hại, gia đình bị cáo có công với cách mạng, nên cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Về phần trách nhiệm dân sự, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T đã rút kháng cáo, nên không xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk và chấp nhận kháng cáo của bị cáo Cao Văn T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm mức hình phạt cho các bị cáo Trần Đại P, Trần Tiến H và Cao Văn T. Xử phạt bị cáo Cao Văn T 06 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo Trần Đại P và Trần Tiến H, mỗi bị cáo 01 năm cải tạo không giam giữ. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì; các bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo Cao Văn T và các bị cáo Trần Đại P, Trần Tiến H tại phiên toà phúc thẩm là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 23/6/2017, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt trong việc làm lại bờ ruộng chung, bị cáo Cao Văn T đã dùng cây gai và cán tre đánh bà Lê Thị M, hậu quả làm bà M bị thương tích với tỷ lệ là 3% sức khỏe. Khi nghe tin bà M bị Cao Văn T đánh, thì bị cáo P và bị cáo H, là chồng và con của bà M đã cầm dao và tuýp sắt chạy ra ruộng, thì bị cáo T lại tiếp tục dùng dao chém vào đầu của bị cáo P, làm cho bị cáo P bị thương tích với tỷ lệ là 67%. Khi thấy mẹ và cha của mình bị T đánh, thì bị cáo H đã bực tức và bị kích động mạnh về tinh thần nên đã đuổi theo T và dùng tuýp sắt đánh nhiều cái vào người và lưng của bị cáo T, lúc này bị cáo P chạy đến và dùng dao chém nhiều cái vào tay và trán bị cáo T, hậu quả gây tổn hại sức khỏe cho bị cáo T với tỷ lệ 36%. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã xét xử bị cáo Cao Văn T về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại khoản 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 và xét xử bị cáo Trần Đại P, bị cáo Trần Tiến H về tội "Cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh" theo quy định tại khoản 1 Điều 105 của Bộ luật hình sự năm 1999, là có căn cứ pháp lý và đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Hội đồng xét xử xét thấy: Bản án sơ thẩm đã tuyên bố các bị cáo Trần Đại P và Trần Tiến H phạm tội "Cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh" theo quy định tại khoản 1 Điều 105 của Bộ luật hình sự năm 1999, đồng thời áp dụng các quy định có lợi cho hai bị cáo theo khoản 1 Điều 135 của Bộ luật hình sự năm 2015, trên cơ sở đó đã áp dụng hình phạt "Cải tạo không giam giữ" đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, việc bản án sơ thẩm tuyên phạt các bị cáo Trần Đại P và Trần Tiến H, mỗi bị cáo 02 năm cải tạo không giam giữ là không đúng pháp luật, bởi lẽ: Khoản 1 Điều 135 của Bộ luật hình sự năm 2015 có quy định thêm hình phạt tiền

và bỏ không áp dụng hình phạt tù, đây là các quy định có lợi cho các bị cáo, nên được áp dụng đối với cả hành vi phạm tội trước ngày 01/01/2018, theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; đồng thời, mức hình phạt cải tạo không giam giữ tại khoản 1 Điều 105 của Bộ luật hình sự năm 1999 chỉ quy định tối đa đến 01 năm, trong khi mức hình phạt cải tạo không giam giữ quy định tại khoản 1 Điều 135 của Bộ luật hình sự năm 2015 là đến 03 năm, đây là quy định không có lợi, nên không được áp dụng đối với bị cáo. Do đó, mức hình phạt 02 năm cải tạo không giam giữ mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo P và bị cáo H, là vượt mức tối đa đối với loại hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại khoản 1 Điều 105 của Bộ luật hình sự năm 1999. Như vậy, bản án sơ thẩm đã có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật như đã nêu trên, do đó, cần chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm mức hình phạt đối với các bị cáo Trần Đại P và Trần Tiến H.

[3] Đối với kháng cáo của bị cáo Cao Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy: Mức hình phạt 07 năm 06 tháng tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là là có phần nghiêm khắc và cao so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Đồng thời bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: Quá trình điều tra và tại các phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn ăn hối cải; bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại; gia đình bị cáo có công với Cách mạng, cha mẹ của bị cáo được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến; đồng thời bị cáo cũng là bị hại và bị thương tích nặng (tổn hại 36% sức khỏe); bị cáo phạm tội lần đầu và có nhân thân tốt. Đây là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm một phần hình phạt đối với bị cáo là phù hợp.

[4] Về phần trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Cao Văn T đã rút kháng cáo đề nghị xem xét lại mức bồi thường thiệt hại. Xét thấy, việc rút một phần kháng cáo là tự nguyện và không liên quan đến kháng cáo khác. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 342 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Cao Văn T về phần trách nhiệm dân sự và quyết định của bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự có hiệu lực pháp luật.

[5] Về điều luật áp dụng: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước thời điểm Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực thi hành và các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Bộ luật hình sự năm 1999 và Bộ luật hình sự năm 2015 là giống nhau, nên cần áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 khi xét xử đối với các bị cáo, nhưng bản án sơ thẩm lại áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015, là không đúng nên cấp phúc thẩm cần sửa lại về điều khoản áp dụng cho đúng.

[6] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Cao Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk và chấp nhận kháng cáo của bị cáo Cao Văn T. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2018/HS-ST ngày 16/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc về hình phạt đối với các bị cáo Cao Văn T, Trần Đại P và Trần Tiến H.

- Áp dụng: Khoản 3 Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, khoản 4 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Cao Văn T** 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội "Cố ý gây thương tích". Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày tạm giam, ngày 05/01/2018. Bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/9/2017 đến ngày 09/10/2017.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 105; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 135 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt: Bị cáo **Trần Đại P** 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, về tội "Cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh". Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án của Tòa án.

+ Xử phạt: Bị cáo **Trần Tiến H** 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, về tội "Cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh". Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án của Tòa án.

Giao các bị cáo Trần Đại P và Trần Tiến H cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

[2] Căn cứ khoản 3 Điều 342 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Cao Văn T về phần trách nhiệm dân sự. Quyết định của bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Cao Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đ;
- VP CQCSĐT Công an tỉnh Đ;
- Sở Tư pháp Đ;
- TAND huyện Krông Pắc;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Công an huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- THAHS Công an huyện K;
- UBND xã E, huyện K;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Công Bình